

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA
CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO
CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ
PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



AN PHAT PLASTIC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu
ngày 09/03/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/09/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số61...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà
nước cấp ngày 01 tháng 8 năm 2014)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 72, Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 821 8567

Fax: +84 8 821 3867

Website: www.ssi.com.vn

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Địa chỉ: Lô CN 11 + CN 12, cụm Công nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải
Dương

Điện thoại: +84 (320) 375 5998

Fax: +84 (320) 375 5113

Website: www.anphatplastic.com

Email: anphat@anphatplastic.com

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 72, Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 821 8567

Fax: +84 8 821 3867

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 3936 6321

Fax: +84 4 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đoàn Việt Khương

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý và hỗ trợ thông tin

Điện thoại: +84 320 375 5998

Fax: +84 320 375 5113

Hải Dương, tháng 06 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/09/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
Mã cổ phiếu:	AAA
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán:	11.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	19.800.000 cổ phần
Phương thức phát hành:	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):	198.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: Phòng 3203 nhà 34T, Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)4 2221 2891

Fax: +84 (0)4 2221 2892

Website: www.ifcvietnam.com.vn

Email: support@ifcvietnam.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN & BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Địa chỉ: 72, Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 821 8567

Fax: +84 8 821 3867

Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp	2
3. Rủi ro đặc thù ngành	3
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	4
5. Rủi ro pha loãng	4
6. Rủi ro khác	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	6
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
2. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty.....	14
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	20
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	21
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	24
6. Hoạt động kinh doanh	26
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	34
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	36
9. Chính sách đối với người lao động	39
10. Chính sách cổ tức	41
11. Tình hình tài chính.....	41
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	47
13. Tài sản	62
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	63
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	64
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	65
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	65
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	65
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	66
1. Loại cổ phiếu	66
2. Mệnh giá.....	66
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	66
4. Giá chào bán dự kiến	66

5.	Phương pháp tính giá.....	66
6.	Phương thức phân phối	66
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	66
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	67
9.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	67
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	68
11.	Các loại thuế có liên quan	68
12.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	68
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	69
1.	Mục đích chào bán	69
2.	Phương án khả thi.....	69
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	73
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	74
IX.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (NẾU CÓ)	Error! Bookmark not defined.
X.	PHỤ LỤC.....	Error! Bookmark not defined.

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “An Phát” hoặc “AAA” hoặc “Công ty”) là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực nhựa nói chung và sản xuất bao bì nói riêng. Công ty có trụ sở chính tại tỉnh Hải Dương với ba nhà máy sản xuất bao bì và một nhà máy sản xuất phụ gia CaCO₃. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Kể từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần dần hội nhập và gắn kết chặt chẽ với chuyển động của nền kinh tế toàn cầu. Trong giai đoạn 2011 – 2013, với sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP đã chậm lại một cách rõ nét khi bình quân chỉ đạt 5,63%/năm, so với mức 6,78%/năm năm 2010¹. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế, hoạt động sản xuất trong nước giảm sút, hàng loạt doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc tuyên bố giải thể, phá sản. Mặc dù kết thúc năm 2013, tăng trưởng GDP đạt 5,42% tăng nhẹ so với mức 5,25% năm 2012², nhưng theo nhiều chuyên gia, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đến năm 2014 vẫn chưa thể hoàn toàn thoát ra khỏi khủng hoảng.

Việc kinh tế trong nước và thế giới tăng trưởng chậm lại, thậm chí có nguy cơ suy thoái trong thời gian vừa qua gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất khẩu như Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát. Tuy nhiên, với những chính sách và biện pháp cải cách của Chính phủ, nền kinh tế đã bước đầu có những chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển môi trường kinh doanh.

Tình hình lạm phát

Sự biến động của lạm phát gây ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả nguyên vật liệu, nhân công, các chi phí đầu vào, giá cả hàng hóa cũng như nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm của Công ty. Việc lạm phát biến động một cách khó lường sẽ gây ra khó khăn cho Công ty trong việc đặt ra các chiến lược kinh doanh cũng như hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

Trong giai đoạn 2010 – 2011, tỷ lệ lạm phát luôn ở mức cao (lần lượt là 11,75% và 18,13%). Điều này đã khiến tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều bất ổn, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp đình trệ và đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn khi giá cả tăng cao. Đến năm 2012, với

¹ Theo Tổng Cục Thống kê

² Theo Tổng Cục Thống kê

những chính sách và biện pháp quyết liệt nhằm kiềm chế lạm phát của Chính phủ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 9,21%. Kết thúc năm 2013, CPI bình quân năm tăng 6,6%³ so với bình quân năm 2012, đây được xem là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Có thể thấy rằng việc lạm phát được kiềm chế ở mức hợp lý đang tạo ra nhiều thuận lợi cho hoạt động của khối doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát luôn chủ động trong kế hoạch mua nguyên vật liệu và có chính sách bán hàng phù hợp cho khách hàng.

Tỷ giá

Về yếu tố vĩ mô, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cũng như để bình ổn thị trường tài chính – tiền tệ, những năm vừa qua Ngân hàng Nhà nước luôn có những biện pháp quyết liệt để ổn định tỷ giá hối đoái. Tỷ giá mỗi năm đều được kiềm chế tăng trong biên độ cho phép. Điều này đã cho phép Công ty đặt ra những chính sách kinh doanh hợp lý nhằm đạt được kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra.

Với đặc thù hoạt động sản xuất của Công ty là nhập khẩu hầu hết các nguyên vật liệu chính và xuất khẩu sản phẩm, AAA chủ động cân bằng nhu cầu sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu và nguồn thu ngoại tệ để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá. Bên cạnh đó, Công ty chủ động vay các khoản tín dụng bằng ngoại tệ từ một số ngân hàng trong nước để được hưởng lãi suất thấp, giảm chi phí tài chính nhưng không làm tăng rủi ro về tỷ giá do Công ty đã tính toán nguồn thu từ xuất khẩu sản phẩm.

Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, hầu hết các doanh nghiệp đều cần huy động vốn vay từ ngân hàng. Do đó, biến động lãi suất cho vay cũng ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty.

Nếu như trong giai đoạn 2010 – 2011, lãi suất cho vay luôn ở mức cao 20 – 25%/năm, thì kể từ năm 2012 cho đến nay, mặt bằng lãi suất đã giảm mạnh trong bối cảnh thanh khoản của hệ thống ngân hàng dần được cải thiện, hoạt động huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giám sát một cách chặt chẽ. Thời điểm hiện tại, lãi suất cho vay phổ biến ở mức 9-11%/năm, đối với lĩnh vực ưu tiên là 7-9%/năm, thậm chí có những doanh nghiệp tốt có thể vay với lãi suất 6-7%/năm.

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát cũng có những khoản tín dụng từ các ngân hàng với lãi suất thả nổi. Do đó, khi lãi suất tăng cao sẽ có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền cũng như lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao

³ Theo Tổng Cục Thống kê

dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nước thải. Ngoài ra, với đặc thù xuất khẩu phần lớn các sản phẩm của mình, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, thuế chống bán phá giá của các nước. Ví dụ như đối với thị trường Hoa Kỳ, các sản phẩm túi nhựa, túi nilon, túi PE của Việt Nam đang bị áp thuế chống bán phá giá từ 50-70%. Tuy nhiên các sản phẩm từ Lào chưa nằm trong danh mục bị áp thuế này. Do đó, việc đầu tư xây dựng nhà máy tại Lào là nhu cầu cần thiết để Công ty có thể thâm nhập và cạnh tranh tại thị trường Hoa Kỳ.

Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về thị trường

Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Với chính sách ưu đãi thuế cho các dự án sản xuất tại các khu công nghiệp, việc thành lập một công ty sản xuất bao bì nhựa hiện nay không mấy khó khăn. Nhìn chung, rào cản ra nhập ngành tương đối thấp và số lượng các công ty mới xâm nhập vào ngành không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, sản phẩm và thị trường đầu ra ổn định là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại của các doanh nghiệp này. Sự khác biệt về sản phẩm không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên các doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt. Số lượng các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu sản phẩm như An Phát ngày càng tăng khiến việc duy trì thị phần xuất khẩu ở vị trí hàng đầu như hiện nay của Công ty là một thách thức lớn. Ngoài ra, sự cạnh tranh của các nước trong khu vực cũng là một trong những yếu tố mà An Phát cần quan tâm.

Hiện nay, trên thị trường hiện tượng hàng giả, hàng nhái kém chất lượng đã và đang xuất hiện tràn lan. Những loại sản phẩm nhái nhãn hiệu này gây thiệt hại không nhỏ về uy tín thương hiệu của những doanh nghiệp trong cùng ngành nghề trong khi luật pháp Việt Nam chưa có những chế tài hay nếu có chỉ là xử phạt hành chính với mức phạt không đủ để răn đe những hành vi vi phạm lĩnh vực bảo vệ thương hiệu, bản quyền. Tuy nhiên, với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối nhỏ, lẻ. Chính nhờ định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng nhái kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty. Ngoài ra, sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường của Công ty đặc biệt phù hợp với thị hiếu các nước phát triển nên có tiềm năng phát triển trong tương lai.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật

liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được hay sản xuất với sản lượng rất hạn chế, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Với tình hình biến động thường xuyên về giá dầu thô dẫn tới biến động về giá hạt nhựa, gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý.

Tuy nhiên, những rủi ro về giá nguyên vật liệu tăng đã và đang được hạn chế nhờ có Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ của Công ty hoạt động từ năm 2010. Bên cạnh đó Công ty chỉ nhập nguyên liệu khi nhận được đơn hàng, giá mua nguyên vật liệu đã được tính vào giá bán cho khách chính vì vậy sự biến động về giá nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội. Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán và quyết định thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo nghị quyết số 0105/2014/NQ-ĐHĐ ngày 26 tháng 5 năm 2014, số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được dùng để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại nước CHDCNH Lào. Việc đầu tư này sẽ giúp công ty mở rộng hoạt động sản xuất, thâm nhập thị trường Hoa Kỳ, từ đó gia tăng thị phần quốc tế, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn, biến động khó lường, và chưa đi vào ổn định như hiện nay, rủi ro về việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư là có thể xảy ra. Tuy nhiên, với đội ngũ Ban lãnh đạo tâm huyết và nhiều kinh nghiệm trong ngành, những rủi ro nói trên đối với AAA sẽ được hạn chế tới mức tối đa.

5. Rủi ro pha loãng

Giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu AAA sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

- PR(t-1) là giá giao dịch của AAA ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- PR là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ:

- Giá sử giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách là 20.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 11.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ tăng vốn là 100%.
- Như vậy, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ tương đương với 15.500 đồng/cổ phiếu.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Ông: Phạm Ánh Dương

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Lê Trung

Chức vụ: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Bà: Hòa Thị Thu Hà

Chức vụ: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Ông: Lê Thái Hưng

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn & bảo lãnh phát hành- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Giấy ủy quyền số: 16/2012/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 07/12/2012)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành đã ký với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- AAA : Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- CK : Chứng khoán
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- CĐ : Cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- Giấy CN ĐKKD : Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh
- Giấy CN ĐKHĐ : Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động
- CBTT : Công bố thông tin

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
- Tên tiếng Anh: An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: An Phat., JSC
- Trụ sở chính: Lô CN 11 + CN 12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: +84 320 375 5998
- Fax: +84 320 375 5113
- Website: www.anphatplastic.com
- Email: anphat@anphatplastic.com
- Giấy CNĐKKD: Số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/09/2013
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hải Dương
- Số tài khoản: 46010000039797
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE)
2	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại; in và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì; xây dựng công trình dân dụng; lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; kinh doanh bất động sản; mua bán hàng may mặc; mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; chuyển giao công nghệ; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải; hoạt động thu gom, xử lý tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 20/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (tên cũ là Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát) được thành lập ngày 9/3/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng và là thành viên của Hiệp hội nhựa Việt Nam, thành viên của Hiệp hội những nhà sản xuất sản phẩm lớn Quốc tế (APS). Với hơn 100 cán bộ, nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, cùng hơn 1.000 công nhân lành nghề, Công ty đang phấn đấu nỗ lực hết mình, không ngừng cải thiện dây chuyền kỹ thuật,

công nghệ sản xuất để trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì và màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á.

▪ Tháng 09/2002	Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
▪ Tháng 04/2004	Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m ² đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với nhiều sản phẩm chất lượng tốt đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
▪ Tháng 06/2005	UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m ² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
▪ Năm 2006	Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Anh Hai Duy thống nhất phương án chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát.
▪ Tháng 03/2007	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
▪ Tháng 04/2007	Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 30 tỷ đồng được phát hành cho các cổ đông mới.
▪ Tháng 12/2007	Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 6 tỷ đồng được phát hành cho Beira Limited, nâng tổng số cổ phần của Beira Limited trong Công ty lên 800.000 cổ phần
▪ Tháng 2/2008	Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động
▪ Tháng 09/2009	Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m ² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 800 tấn/tháng.
▪ Tháng 11/2009	Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “ sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường ”.
▪ Tháng 04/2010	Ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 37.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành được hoàn tất vào ngày 15/05/2010.
▪ Tháng	Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội,

07/2010	mã chứng khoán là AAA.
▪ Tháng 10/2010	Nhà máy sản xuất CaCo ₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời xúc tiến xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái.
▪ Tháng 08/2011	Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 1.500 tấn sản phẩm/tháng.
▪ Tháng 08/2012	Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1.
▪ Tháng 11/2012	An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.
▪ Tháng 12/2013	Nhà máy sản xuất số 5 (Nhà máy 1 mở rộng theo Hồ sơ xin phát hành 2012) hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy sẽ được xuất khẩu sang Nhật Bản.

❖ **Tình hình hoạt động sản xuất**

Hiện tại, An Phát có 03 Nhà máy đang sản xuất tại Hải Dương với sản lượng sản xuất trung bình hàng tháng đạt gần 3.000 tấn sản phẩm và 01 Nhà máy sản xuất CaCo₃ tại Yên Bái thuộc công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái. Thông tin về các Nhà máy cụ thể như sau:

- **Nhà máy sản xuất số 1:** Công suất thiết kế của Nhà máy 1 khoảng 1.000 tấn/tháng, được xây dựng trên diện tích 10.000 m² tại Lô 8, Khu công nghiệp Nam Sách, T.P Hải Dương, Hải Dương
- **Nhà máy sản xuất số 2:** Công suất thiết kế sau mở rộng đạt 1.500 tấn/tháng, được xây dựng trên diện tích 19.967 m² tại Lô CN 3, Cụm Công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
- **Nhà máy sản xuất số 3:** Công suất thiết kế đạt 800 tấn sản phẩm/tháng, được xây dựng trên diện tích 20.064 m² tại Lô CN 11 + CN 12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương

Cả 3 nhà máy trên của An Phát có trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến, được nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật Bản. Hiện cả 3 nhà máy của An Phát đều tập trung đẩy mạnh sản xuất dòng sản phẩm Bao bì nhựa tự phân hủy – Sản phẩm tiên tiến và hiện đại cho thế giới tiêu dùng.

Với sản lượng trung bình hiện nay đạt gần 3.000 tấn sản phẩm/tháng trong đó 95% sản phẩm được xuất khẩu, An Phát được đánh giá là doanh nghiệp sản xuất bao bì có uy tín và lớn nhất Việt Nam.

Không dừng lại ở đó, hiện tại nhà máy sản xuất số 5 đã hoàn thiện và đang trong giai đoạn hoạt động thử nghiệm để chính thức đi vào hoạt động từ quý III/2014. Nhà máy này có công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm và được thiết kế để sản xuất dành riêng cho thị trường Nhật Bản với trang thiết bị tiên tiến, công nghệ cao, tiêu chuẩn sản xuất, vệ sinh và môi trường đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi khắt khe của thị trường này.

- **Nhà máy sản xuất CaCO₃:** Nhà máy sản xuất CaCO₃ chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10/2010 với sản lượng trung bình đạt 800 tấn sản phẩm/tháng cung cấp nguyên vật liệu là hạt nhựa CaCO₃.

❖ **Các danh hiệu và giải thưởng đạt được**

▪ **Các quyết định khen thưởng đạt được**

- Năm 2009: Được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 054 ngày 31 tháng 8 năm 2009; Được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 3569 ngày 7 tháng 10 năm 2009.
- Năm 2010: Được Ban Truyền hình đối ngoại - Đài THVN tặng bằng khen QĐ số 05 ngày 29 tháng 1 năm 2010
- Năm 2011: Được Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tặng Bằng khen QĐ số 155B/QĐ/KT-TWH ngày 23/12/2011;
 - Được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng bằng khen QĐ số 0431/MTM-TDKD ngày 2/3/2011;
 - Được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 17 ngày 14 tháng 1 năm 2011;
 - Được Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng Cờ thi đua QĐ số 159/QĐKT-LĐLĐ ngày 16/12/2011.
- Năm 2012: Được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ tổ quốc năm 2012

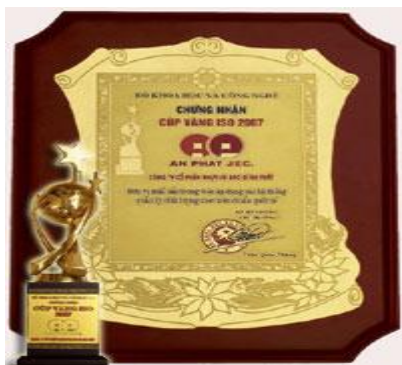
▪ **Các danh hiệu tiêu biểu được công nhận**

- Năm 2007, Công ty nhận được các danh hiệu, bằng khen tiêu biểu như: được Bộ khoa học và Công nghệ chứng nhận Cúp vàng ISO 2007; được Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại – Bộ Công thương chứng nhận là “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007”; Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ & Vừa Việt Nam trao tặng danh hiệu “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng”; Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ & Vừa Việt Nam trao tặng danh hiệu “Cúp vàng Thương hiệu và Nhãn hiệu”; được Ban Tuyên giáo Trung ương trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển năm 2007”; được Ban tổ chức Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam EXPRO trao tặng Huy chương vàng cho sản phẩm tham dự hội chợ.
- Năm 2008, được Ban tổ chức Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam EXPRO trao tặng Huy chương vàng cho sản phẩm.
- Năm 2009, được Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam trao tặng danh hiệu “Thương hiệu chứng khoán uy tín – 2009” và danh hiệu “Công ty Đại chúng tiêu biểu”. Công ty được Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng, danh hiệu Sao Vàng Đất Việt Top 200; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa trao tặng danh hiệu “Sản phẩm, dịch vụ xuất sắc toàn quốc năm 2009”; Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại chứng nhận là “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2009”; Bộ Công thương trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc lần thứ 1 năm 2009” .
- Năm 2010, được Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam trao tặng danh hiệu

“Thương hiệu chứng khoán uy tín – 2010” dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường Việt Nam; Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng danh hiệu Sao Vàng Đất Việt Top 100; được Viện nghiên cứu Kinh tế Việt Nam chứng nhận là Doanh nghiệp phù hợp tiêu chí “Chỉ số Tín nhiệm Vàng – Nhà cung cấp đáng tin cậy” tại Việt Nam 2010.

- Năm 2011, được Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng, danh hiệu Sao Vàng Đất Việt Top 200; được Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại – Bộ Công thương chứng nhận là “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2011”.

Hình 1: Cúp vàng ISO 2007



Hình 2: Cúp “Nhà quản lý giỏi 2007”



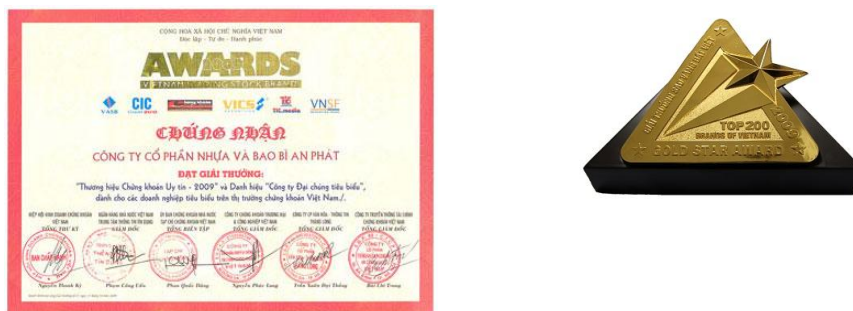
Hình 3: Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”



Hình 4: “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” và “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam”



Hình 5: “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và “Sao vàng Đất Việt”



Hình 6: Các giải thưởng khác



Bảng khen của Ủy ban hợp tác quốc tế



Cúp vàng "Doanh Nhân Tâm Tàì"



Cúp vàng "Thương hiệu và Nhân hiệu"

2. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty

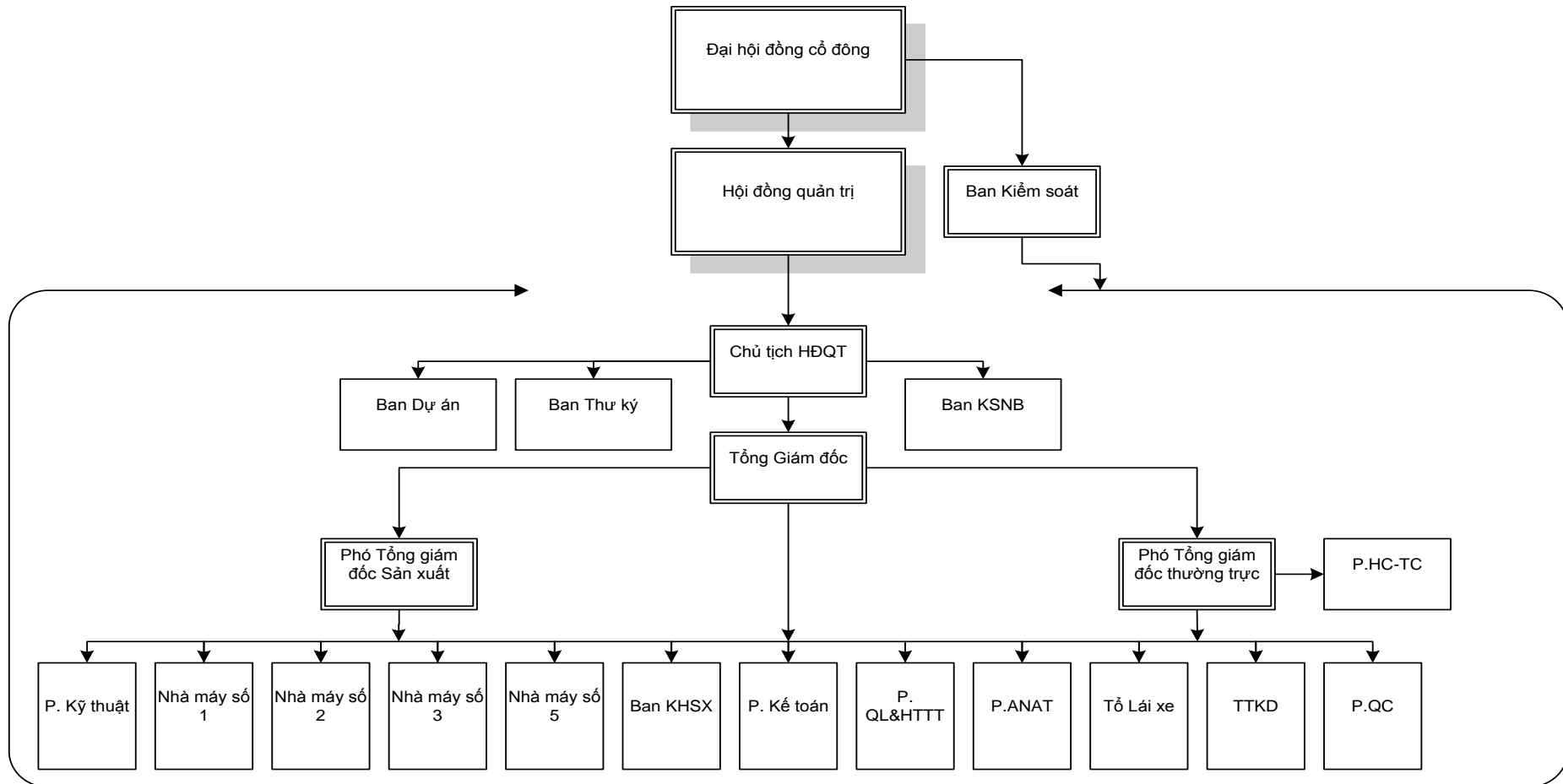
❖ Trụ sở chính:

- Trụ sở chính: Lô CN 11 + CN 12, Cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: +84 320 375 5998 Fax: +84 320 375 5113
- Website: www.anphatplastic.com

❖ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

- Địa chỉ: B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: +84 4 3755 5840 Fax: +84 4 3755 5841
- Email: vphn@anphatplastic.com

Hình 7: Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm

giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Các phòng ban**

Ban thư ký là bộ phận tham mưu giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Ban thư ký có chức năng tập hợp các yêu cầu, đề xuất của các bộ phận gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, thực hiện các thủ tục về quản lý cổ đông, pháp chế của Công ty.

Ban Kiểm soát nội bộ là bộ phận trợ giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty trong việc kiểm tra tình hình thực hiện công việc của các phòng, ban, bộ phận trong hệ thống Công ty, có trách nhiệm đề xuất hướng giải quyết, yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục và kiểm tra lại các vấn đề đã phát hiện tại các bộ phận.

Ban dự án có nhiệm vụ duy trì, phát triển các công cụ quản lý mà Công ty và Tổ chức tư vấn IMPAC đã xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của Nhà máy và các bộ phận. Ban Phát triển dự án là đơn vị luôn đi đầu trong việc tìm ra điểm chưa phù hợp, hoặc các phương pháp quản lý tối ưu hơn, để tư vấn, hỗ trợ các NM, Bộ phận nâng cao hiệu quả quản lý.

Ban Kế hoạch sản xuất là bộ phận thực hiện công tác thu mua nguyên liệu, công cụ, dụng cụ và các trang thiết bị khách phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Trung tâm kinh doanh là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh doanh của Công ty. Trung tâm kinh doanh gồm hai bộ phận: kinh doanh xuất nhập khẩu và kinh doanh tổng hợp.

- Nghiên cứu thị trường, xây dựng các phương án tiêu thụ sản phẩm.
- Chào hàng và tìm kiếm khách hàng; Thẩm định các thông tin về khách hàng.
- Đàm phán, soạn thảo, ký kết các hợp đồng mua bán hàng hoá (thuộc thẩm quyền).
- Chăm sóc khách hàng; Theo dõi và quản lý khách hàng trên máy tính và sổ sách.
- Các công việc kinh doanh khác được phép.

Phòng Kế toán: Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng.
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT.
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế.
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước.
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của công ty để có kế hoạch tiêu thụ.
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

Phòng Hành chính - tổng hợp là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Tổng Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty...

Phòng Quản lý và Hỗ trợ thông tin là bộ phận chịu trách nhiệm về việc đảm bảo vận hành của hệ thống thông tin: hệ thống điện thoại, hệ thống internet, hệ thống mạng wan, hệ thống mạng lan, các máy chủ, máy trạm. Tư vấn và triển khai giải pháp công nghệ thông tin ứng dụng phù hợp vào môi trường thực tế. Chịu trách nhiệm về việc cập nhật thông tin hoạt động của công ty trên các trang điện tử, công bố thông tin tới UBCK và HNX theo quy định.

Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC) là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

Phòng Kỹ thuật là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Tổng giám đốc, Giám đốc của các nhà máy về vấn đề kỹ thuật trong sản xuất. Chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động bình thường của các dây chuyền sản xuất và các vấn đề khác về kỹ thuật tại nhà máy.

- Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết hoặc yêu cầu của Trung tâm kinh doanh Công ty để tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập quy trình công nghệ, phiếu công nghệ cho các sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà khách hàng yêu cầu, dự trù chủng loại vật tư, định mức lao động cần thiết để sản xuất sản phẩm;
- Theo dõi quản lý toàn bộ trang thiết bị của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức công tác sửa chữa thiết bị theo chu kỳ hoặc đột xuất, duy trì thời gian hoạt động thường xuyên của thiết bị;
- Thường xuyên kiểm tra tình hình an toàn lao động, có quyền ngừng sản xuất khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến tính mạng của người công nhân. Chịu trách nhiệm về vật chất đối với những hư hỏng về thiết bị do nguyên nhân chủ quan, lơ là, không kiểm tra gây thiệt hại vật chất, tính mạng người lao động;
- Theo dõi duy trì công nghệ sản xuất, có quyền yêu cầu công nhân thực hiện đúng công nghệ đã quy định trong quy trình công nghệ, phiếu công nghệ, có quyền yêu cầu Tổ trưởng đang trực tiếp sản xuất hoặc Quản đốc cử người hỗ trợ khi sửa chữa máy móc;

Tổ lái xe là bộ phận chịu trách nhiệm về việc vận chuyển hàng hoá và lái xe công vụ cho người quản lý và nhân viên trong công ty khi có yêu cầu

Phòng ANAT (Phòng An Ninh An Toàn) là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, ANAT. Điều hành mỗi nhà máy sản xuất là 1 Giám đốc nhà máy.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng vốn góp
1	Beira Limited	Second Floor Zephyr House, 122 Mary Street, PO Box 709, George Town, Grand Cayman KY 1 – 1107, Cayman Islands	2.614.549	13,20%
2	Nguyễn Minh Hoa	AA1-7 Mỹ Khang, Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP.HCM	1.100.000	5,60%

*Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
Danh sách cổ đông chốt ngày 17/3/2014 cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014*

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

STT	Danh sách cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Ánh Dương	Tổ 49, tập thể Viện khoa học Việt Nam, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	465.900	4.659.000.000	2,35
2	Phạm Hoàng Việt	B9, tập thể Viện Khoa học Việt Nam, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	233.900	2.339.000.000	1,18
3	Nguyễn Lê Trung	Số nhà 03, ngõ 39, phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	58.500	585.000.000	0,30
4	Nguyễn Đức Dũng	Xóm 2, thôn Thượng, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	30.000	300.000.000	0,15
Tổng cộng			789.900	7.899.000.000	3,98

Nguồn: Theo Giấy CNĐKKD số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/09/2013 và Sổ cổ đông Công ty tại ngày chốt danh sách 17/03/2014 cho việc họp ĐHĐCĐ thường niên 2014

3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 17/03/2014

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Trong nước	1.324	15.847.581	158.475.810.000	80,04%
	Tổ chức	11	659.680	6.596.800.000	3,33%
	Cá nhân	1.313	15.187.901	151.879.010.000	76,71%
2	Nước ngoài	33	3.952.419	39.524.190.000	19,96%
	Tổ chức	8	3.524.349	35.243.490.000	17,80%
	Cá nhân	25	428.070	4.280.070.000	2,16%
	TỔNG CỘNG	1.357	19.800.000	198.000.000.000	100%

Nguồn: Sổ cổ đông Công ty tại ngày chốt danh sách 17/03/2014 cho việc họp ĐHĐCĐ thường niên 2014

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

4.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

4.2. Công ty con của tổ chức phát hành

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp của An Phát	
	Vốn đăng ký (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 31/03/2014 (triệu đồng)		Mức đăng ký vốn góp (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 31/03/2014 (triệu đồng)
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	86.000	86.000	91,86%	79.000	79.000
Công ty TNHH Nhựa Thakhek	210.000	0	100%	210.000	0

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

❖ Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

- Giấy CN ĐKDN: 5200466372 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30/01/2013
- Trụ sở: Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa
- Vốn điều lệ: 86 tỷ đồng

- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 91,86%
 - Hoạt động hiện tại: Nhà máy An Phát – Yên Bái (An Phát Mineral) đã được khởi công xây dựng với dây chuyền công nghệ hiện đại. Hiện nay, An Phát Mineral đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO_3) đạt tiêu chuẩn quốc tế và hạt nhựa CaCO_3 .
An Phát – Yên Bái định hướng sẽ xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thay vì chỉ phục vụ sản xuất của An Phát như hiện nay. Trong năm 2013, An Phát – Yên Bái đã ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu sản phẩm với các đối tác tại Ả-rập, Singapore, Israel, Hàn Quốc và Ấn Độ.
- ❖ **Công ty TNHH Nhựa Thakhek**
- Giấy CN ĐKDN: Số 002/KKTTHK ngày 08/04/2013 do Đặc khu kinh tế và Khu kinh tế riêng Thakhek cấp
 - Trụ sở: Khu kinh tế riêng Thakhek, bản Vontai, thị xã Thakhek, tỉnh Khammuon
 - Ngành nghề kinh doanh: Nhà máy công nghiệp chế biến túi nilon khép kín
 - Vốn điều lệ: 10 triệu USD (tương đương 210 tỷ đồng)
 - Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 100%
 - Hoạt động hiện tại: Triển khai dự án đầu tư Nhà máy chế biến túi nilon khép kín.

4.3. Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp của An Phát	
	Vốn đăng ký (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 31/03/2014 (triệu đồng)		Mức đăng ký vốn góp (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 31/03/2014 (triệu đồng)
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	29.999,9	29.999,9	32,22%	9.665,82	9.665,82
Tổng cộng				9.665,82	9.665,82

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

- ❖ **Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh**
- Trụ sở: Số 18 – Đường Phong Định Cảng – Phường Bến Thủy – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An.

-
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krap, máy móc sản xuất bao bì, ...)
 - Vốn điều lệ: 29.999.890.000 đồng
 - Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 32,22%
 - Hoạt động hiện tại: Các sản phẩm chủ yếu bao gồm: vỏ bao xi măng, vỏ bao PP + PE đưng đường, nông sản thực phẩm, hóa chất, phân bón, vỏ bao phục vụ các ngành công nghiệp khác và các sản phẩm nhựa khác được bán cho các nhà máy và khách hàng trong và ngoài nước.

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 04 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị tăng thêm (triệu đồng)	Phương thức tăng vốn điều lệ	Cơ sở pháp lý
Thành lập tháng 03/2007	30.000			– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0403000550 (số cấp lần đầu sau đó đổi sang 0800373586 theo chính sách hợp MST và Số ĐKKD) cấp lần đầu ngày 09/03/2007
Lần 1: 04/2007	60.000	30.000	– Phát hành cổ phiếu phổ thông cho 13 nhà đầu tư cá nhân – Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	– Nghị quyết số 1403/2007/QĐ-ĐHĐ của ĐHĐCĐ
Lần 2: 12/2007	66.000	6.000	– Phát hành cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư tổ chức Beira Limited – Giá phát hành: 40.000 đồng/cổ phiếu	– Theo Nghị quyết số 3011/2007/QĐ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ
Lần 3: 04/2009 – 05/2010	99.000	33.000	– Phát hành 3.300.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu – Giá phát hành: 37.000 đồng/cổ phiếu – Tỷ lệ phát hành: 2:1 – Kết quả phát hành: Có 37 cổ đông hiện hữu đăng ký mua và mua 2.342.300 cổ phiếu – 957.700 cổ phiếu còn lại HĐQT quyết định	– Theo Nghị quyết số 1704/2010/NQ – ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ

Thời gian	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị tăng thêm (triệu đồng)	Phương thức tăng vốn điều lệ	Cơ sở pháp lý
			phân phối cho 19 nhà đầu tư mới và 4 cổ đông hiện hữu.	
Lần 4: 8/2012 – 12/2012	198.000	99.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phiếu - Tỷ lệ phát hành: 1:1 - Kết quả phát hành: Có 659 cổ đông hiện hữu đăng ký mua 5.347.887 cổ phiếu - Hội đồng quản trị phân phối cho 5 nhà đầu tư được mua số cổ phần không phân phối hết lần đầu với số lượng cổ phiếu là 4.552.113 cổ phiếu 	- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1106/2012/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm các loại túi siêu thị, túi đựng rác, màng nhựa và kinh doanh nguyên vật liệu hạt nhựa.

▪ Túi siêu thị

Túi tự hủy

Loại túi vẫn có tất cả các đặc tính của túi nilon thông thường nhưng thời gian tự hủy được rút ngắn lại thành 3 tháng đến 2 năm (tùy thuộc vào từng chủng loại và cách pha chế). Hạt tự hủy còn được gọi là chất chóng rã (phụ gia sinh học Biocom). Quá trình phân rã cuối cùng thành bột dưới dạng phân hữu cơ, hòa vào trong đất và hoàn toàn không làm ô nhiễm môi trường.

Túi siêu thị cao cấp T-shirt bags màu (không in)

- Loại túi này có thể được sản xuất với một màu sắc như: xanh, đỏ, tím, vàng...
- Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn.
- Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn
- Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng...

Túi siêu thị cao cấp dạng Die cut handle bags được in màu

Một trong những loại túi nhựa được ứng dụng cho nhiều tiện ích như: Cửa hàng bánh kẹo, cửa hàng sách, cửa hàng băng đĩa nhạc, bán đồ khô, đồ lưu niệm...

- Loại túi này có thể được in nhiều loại màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng... Ngoài ra có thể in những logo quảng cáo, tên của Siêu thị, cửa hàng...
- Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn.
- Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn
- Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng

Túi siêu thị dạng cuộn có in màu

Một trong những loại túi nhựa được ứng dụng cho nhiều tiện ích như: Cửa hàng bánh kẹo, cửa hàng sách, cửa hàng băng đĩa nhạc, bán đồ khô, đồ lưu niệm...

- Loại túi này có thể được in nhiều loại thông tin và đa dạng màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng... Ngoài ra có thể in những logo quảng cáo, tên của Siêu thị, cửa hàng...
- Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn.
- Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn
- Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng

Túi siêu thị (T-shirt bags) được in màu

Một trong những loại túi nhựa được ứng dụng cho nhiều tiện ích như: Cửa hàng bánh kẹo, cửa hàng sách, cửa hàng băng đĩa nhạc, bán đồ khô, đồ lưu niệm...

- Loại túi này có thể được in nhiều loại thông tin và đa dạng màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng...

Ngoài ra có thể in những logo quảng cáo, tên của Siêu thị, cửa hàng...

- Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn.
- Nhãn hiệu: theo yêu cầu của khách hàng
- Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn và Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng

Túi siêu thị đục lỗ sắp xếp theo từng thếp

- Loại túi này có thể được sản xuất với một màu sắc như: xanh, đỏ, tím, vàng...
- Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn.
- Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn
- Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng

Túi siêu thị dạng cuộn không in màu

Một trong những loại túi nhựa được ứng dụng cho nhiều tiện ích dùng cho việc đựng thức ăn, đồ vệ sinh sạch sẽ, an toàn thực phẩm, gói đồ khi cho vào tủ lạnh,...

- Loại túi này có thể được làm từ nhựa nguyên sinh, không pha tạp, tái chế,...
- Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn.
- Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn và Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng

■ **Túi đựng rác**

Túi đựng rác cuộn

Có nhiều kiểu túi đựng rác với các kích cỡ khác nhau, sử dụng cho các văn phòng, nhà hàng, khách sạn, làm bằng chất liệu HDPE, LDPE

- Cung cấp số lượng lớn theo yêu cầu của khách hàng
- Kích cỡ: tùy chọn
- Màu: đen hoặc xám
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Đóng gói theo yêu cầu của khách hàng

Túi đựng rác phẳng

Có nhiều kiểu túi đựng rác với các kích cỡ khác nhau, sử dụng cho các văn phòng, nhà hàng, khách sạn, làm bằng chất liệu HDPE, LDPE

- Cung cấp số lượng lớn và đóng gói theo yêu cầu của khách hàng
- Kích cỡ: tùy chọn
- Màu: đen hoặc xám
- Chất liệu: HDPE, LDPE



Hình 8: Một số sản phẩm túi

■ **Hạt nhựa**

Hạt Calbest

– Thành phần hóa / Typical Chemical Composition

- CaCO_3 \geq 98,5%
- MgO \leq 0,40%
- Fe_2O_3 \leq 0,01%
- Al_2O_3 \leq 0,04%
- SiO_2 \leq 0,01%
- TiO_2 \leq 0,003%

– Tính chất lý học / Typical Properties

- Độ trắng / Dry Whiteness \geq 98%
- Độ ẩm / Moisture Content \leq 0.2%
- Độ thấm dầu DOP / DOP absorption 39.00 \pm 2.00 ml/100g
- Độ thấm dầu lạnh / Oil absorption 30.00 \pm 2.00 ml/100g
- pH 8.5 \div 9.5

- Tỷ trọng / Specific Gravity 2.7
- Cỡ hạt của sản phẩm / Partical Size Distribution
 - 50% cỡ hạt / Average particle size (D50): 1.8 ± 0.3 micron
 - 97% cỡ hạt / Top cut (D97): 8.0 ± 2.0 micron
 - Cỡ hạt nhỏ hơn 2 micron / Particle less than 2 micron: 55.0 ± 5.0%
 - Lượng lọt sàn lớn nhất / Residue on 325 mesh (wet sieve): 0.05% (max)
- Các phụ gia khác: tỷ lệ, yêu cầu theo đơn đặt hàng của khách hàng.
- Sản phẩm được đóng gói trong bao PP với trọng lượng 25kilôgam.

Hạt nhựa màu

- Có nhiều màu sắc khác nhau: xanh, đỏ, tím, vàng,... đây là một phần rất quan trọng trong việc pha chế thành nhiều loại sản phẩm có màu sắc theo đơn đặt hàng.
- Hạt có chất lượng tốt, đồng đều, không pha tạp
- Cung cấp với số lượng lớn, tới tận nơi theo yêu cầu của khách hàng
- Đóng gói, vận chuyển theo yêu cầu của khách hàng.

Hạt nhựa tái chế

- Hạt có chất lượng tốt, có nhiều loại khác nhau, tái chế theo dây chuyền của Đài Loan, đạt tiêu chuẩn Quốc tế
- Nhận cung cấp với số lượng lớn và lâu dài.
- Hạt đã qua xử lý đảm bảo chất lượng, vệ sinh môi trường.

Hạt nhựa nguyên sinh

- Có rất nhiều hạt nhựa nguyên sinh, chất lượng tốt
- Cung cấp với số lượng lớn cho thị trường
- Cung cấp các loại hạt nguyên sinh: LLDPE, HDPE, PP, LDPE với số lượng hàng lớn và chất lượng tốt của các hãng nổi tiếng như: Cherron Philips, CCC, Sabic, Dealim, Borouge...

- **Màng nhựa**

Màng nhựa phục vụ cho ngành Công nghiệp

- Có nhiều kích cỡ khác nhau, phục vụ cho ngành Công nghiệp: màng bọc Tivi, tủ lạnh, máy cơ khí...
- Nhận hợp đồng cung cấp lâu dài cho các nhà máy, khu chế xuất...
- Đảm bảo chất lượng, đạt tiêu chuẩn Quốc tế.
- Kích cỡ: tùy chọn
- Màu: theo yêu cầu
- Cung cấp với số lượng lớn theo đơn đặt hàng

6.2. Giá trị sản lượng sản phẩm qua các năm

Sản lượng sản xuất

Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm giai đoạn 2012 - 2013

STT	Sản phẩm	Đơn vị (khối lượng)	Năm 2012		Năm 2013		+/- so với năm 2012
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	Túi	Tấn	24.247	83,78%	27.440	87,37%	+13,17%
2	Hạt nhựa	Tấn	4.694	16,22%	3.966	12,63%	-15,51%
Tổng			28.941	100,00%	31.406	100,00%	+8,51%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát

Tổng sản lượng sản xuất năm 2013 tăng nhẹ 8,51% so với năm 2012 từ 28.941 tấn sản phẩm lên 31.406 tấn sản phẩm. Trong đó, sản phẩm túi vẫn là mặt hàng chủ đạo với sản lượng tăng 13,17% đạt 27.440 tấn. Năm 2013, sản lượng hạt nhựa giảm 15,51% và chỉ còn chiếm 12,63% trong tổng sản lượng (năm 2012 chiếm 16,22% tổng sản lượng). Nguyên nhân là do Công ty đẩy mạnh sản phẩm chính là túi nilon với số lượng đơn đặt hàng ngày càng tăng.

Doanh thu, lợi nhuận

Bảng 4: Doanh thu và giá vốn theo sản phẩm giai đoạn 2012 - 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Sản phẩm	Doanh thu bán hàng			Giá vốn hàng bán		
		Năm 2012	Năm 2013	+/- so với năm 2012	Năm 2012	Năm 2013	+/- so với năm 2012
1	Túi	925.547	1.054.204	+13,90%	761.561	894.742	+17,49%
2	Hạt nhựa	122.902	113.119	-7,96%	120.972	112.130	-7,31%
Tổng		1.048.449	1.167.323	+11,34%	882.533	1.006.872	+14,09%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát

Doanh thu bán hàng nhìn chung tăng gần 119 tỷ trong năm 2013 tương đương mức tăng 11,34% so với năm 2012. Trong đó, túi vẫn là sản phẩm mang lại phần lớn doanh thu cho Công ty với 1.054 tỷ đồng năm 2013, tăng 13,90% so với năm 2012. Mặc dù vậy, do các chi phí đầu vào tăng trong năm (chi phí khấu hao, điện, nhân công, ...) nên giá vốn hàng bán đối với mảng sản phẩm túi nilon tăng 17,49% từ 761 tỷ đồng lên 895 tỷ đồng. Việc giá vốn sản phẩm túi nilon tăng cao khiến giá vốn hàng bán nói chung tăng 14,09%, cao hơn mức tăng trưởng doanh thu trong năm 2013. Chính vì vậy, biên lợi nhuận gộp của Công ty giảm nhẹ.

Bảng 5: Biên lợi nhuận theo sản phẩm giai đoạn 2012 - 2013

STT	Sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013	
		Lợi nhuận gộp	Biên lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp	Biên lợi nhuận gộp
1	Túi	163.986	17,71%	159.462	15,12%
2	Hạt nhựa	1.930	1,57%	989	0,87%
	Tổng	165.916	15,82%	160.451	13,75%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát

Có thể thấy rằng biên lợi nhuận gộp của Công ty bị ảnh hưởng không nhỏ từ việc các chi phí đầu vào tăng giá khi biên lợi nhuận gộp giảm từ 15,82% năm 2012 xuống còn 13,75% năm 2013. Bên cạnh đó, thị trường xuất khẩu của Công ty những năm vừa qua cũng bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế thế giới khiến Công ty phải có chính sách giá linh hoạt hơn để hỗ trợ khách hàng. Sản phẩm túi nilon đạt biên lợi nhuận gộp là 15,12% (năm 2012 là 17,71%) và biên lợi nhuận gộp của hạt nhựa chỉ đạt 0,87% (năm 2012 là 1,57%).

6.3. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng

- Do đặc điểm khách hàng phần lớn là các nhà phân phối nước ngoài, các sản phẩm của Công ty được xuất khẩu nên An Phát thường thông qua các hiệp hội, hội chợ quốc tế để tìm đến khách hàng của mình. Công ty cũng xây dựng website để giới thiệu sản phẩm cũng như chủ động truy cập vào các website khác để tìm kiếm khách hàng, tham gia các hội chợ lớn của ngành nhựa như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ bao bì ngành nhựa tại Thái Lan, và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Bên cạnh đó, Công ty rất chú trọng đến việc phát triển hình ảnh “**Môi trường xanh**” của mình. Công ty thường tổ chức các cuộc đón tiếp các cháu thiếu nhi từ các trường quốc tế tại Hà Nội đến thăm quan, mời các tổ chức phi chính phủ đến tìm hiểu về quy trình sản xuất cũng như môi trường làm việc của Công ty.

Chính sách chăm sóc khách hàng

- Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống lâu năm của Công ty do đó việc chăm sóc các khách hàng này rất coi trọng. Công ty luôn sắp xếp nhân sự thường trực để giải đáp các thắc mắc của khách hàng về sản phẩm của Công ty cũng như về tình hình thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.

6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng



Hình 9: Logo công ty

Công ty đã đăng ký tên miền: <http://www.anphatplastic.com> do Bộ Bưu chính – Viễn thông cấp. Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành đăng ký 2 thương hiệu: ANPHAT LAND và ANPHAT FINANCE với Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Các sản phẩm của Công ty, do đặc thù là sản phẩm gia công nên không có thương hiệu.

6.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 6: Một số hợp đồng đã được ký kết

STT	Tên HĐ / Tên đối tác trong HĐ	Thời gian thực hiện	Số lượng (Kg/tháng)	Hàng Hoá
1	COMCOPLAST	Năm 2014	772.000	Túi
2	ARDALE INTERNATIONAL LTD	Năm 2014	40.000	Túi
3	PAKENDI	Năm 2013	154.000	Túi
4	KOMPOL	Năm 2013	438.438	Túi
5	XENYLLA SRO	Năm 2013	546.910	Túi
6	PAARDEKOOPER	Năm 2014	60.000	Túi
7	NOIDUE	Năm 2013	272.971	Túi
8	TECH FOLIEN	Năm 2013	87.203	Túi
9	ALAN	Năm 2013	73.009	Túi
10	BIRGMA	Năm 2013	56.893	Túi

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
		Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2014	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm	Quý I/2014
1	Tổng giá trị tài sản	866.092	1.102.863	+27,33%	1.054.808	900.494	1.150.569	+27,77%	1.067.787
2	Doanh thu thuần	1.046.688	1.166.335	+11,43%	704.041	1.010.033	1.157.508	+14,60%	323.213
3	Lợi nhuận từ HĐKD	48.791	53.368	+9,38%	32.928	64.021	63.819	-0,32%	15.622
4	Lợi nhuận khác	2.529	2.122	-16,09%	(889)	2.603	2.418	-7,11%	579
5	Lợi nhuận trước thuế	51.319	55.490	+8,12%	32.039	66.624	71.087	+6,70%	17.935
6	Lợi nhuận sau thuế	43.575	43.811	+0,54%	27.163	56.178	55.472	-1,26%	14.844
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35,24% LNST							

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012 và năm 2013, BCTC Công ty mẹ Quý II/2014 và Hợp nhất Quý I/2014

Về Công ty mẹ, năm 2013, tổng giá trị tài sản tăng khoảng 236,8 tỷ đồng từ 866 tỷ đồng năm 2012 lên 1.102,9 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 27,33%. Tài sản tăng chủ yếu do tài sản dài hạn, trong đó, tài sản cố định tăng 142,7 tỷ đồng do Công ty đầu tư mở rộng nâng cao năng lực sản xuất của các nhà máy. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn cũng tăng khoảng 56,6 tỷ đồng chủ yếu do tăng các khoản trả trước cho người bán và hàng tồn kho.

Doanh thu thuần năm 2013 tăng nhẹ 11,43% kéo theo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính cũng tăng 9,38% từ 48,8 tỷ đồng năm 2012 lên 53,4 tỷ đồng năm 2013. Theo đó, lợi nhuận trước thuế tăng nhẹ khoảng 4 tỷ đồng tương ứng 8,12%. Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ được giữ ổn định ở mức 43,8 tỷ đồng (biên lợi nhuận thuần năm 2013 chỉ đạt 3,75% so với mức 4,16% năm 2012).

Tương tự, kết quả kinh doanh hợp nhất toàn Công ty cũng chứng kiến sự tăng trưởng về tổng tài sản và doanh thu thuần. Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm nhẹ 0,32% chủ yếu do các chi phí đầu vào như chi phí nguyên liệu, nhân công, chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp tăng cao. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 71,1 tỷ đồng, tăng 6,70% so với năm 2012 do lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty liên kết mang lại. Kết thúc năm 2013, lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm nhẹ 1,26%.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Những khó khăn và thách thức

- Trong giai đoạn vừa qua, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Sau đó, cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu cũng khiến nhiều nền kinh tế gặp khó khăn. Các chuyên gia đều nhận định phải mất nhiều năm nữa, kinh tế thế giới mới có thể hoàn toàn hồi phục sau cuộc khủng hoảng. Trong bối cảnh như vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước tất yếu bị ảnh hưởng tiêu cực, nhất là đối với những doanh nghiệp xuất khẩu như An Phát khi lượng đơn đặt hàng quốc tế giảm, tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng ngày càng tăng, cùng với những bất ổn về chính trị - xã hội.
- Những chính sách mới của thế giới và Việt Nam trong vấn đề hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân hủy. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân hủy hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường, vì vậy việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Nắm bắt được xu thế này, An Phát đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân hủy - sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Do vậy, chính sách hạn chế sử dụng túi nilon không phân hủy không làm ảnh hưởng nhiều tới An Phát.
- Từ 1/1/2012, Luật thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực được áp dụng cho tất cả các dòng sản phẩm túi nilon không thân thiện với môi trường và giành ưu đãi đặc biệt đối với sản phẩm túi nilon tự phân hủy thân thiện với môi trường được cấp chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam. Tuy nhiên, việc cấp Nhãn Xanh Việt Nam hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Tại Việt Nam hiện nay chưa có phòng thử nghiệm nào có thể thử nghiệm khả năng phân hủy túi nilon để chứng minh thời gian phân hủy. Việc gửi mẫu ra nước ngoài phân tích chi phí rất cao và thời gian chờ kết quả có thể lên đến hai năm, đồng thời với đó là các yêu cầu khắt khe khác từ phía cơ quan cấp chứng nhận. Những quy định này đã một phần hạn chế việc tiêu thụ sản phẩm nội địa của công ty cũng như làm cho việc tăng số lượng hàng giả, hàng nhái của các cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ lẻ không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những lợi thế cạnh tranh

- An Phát là doanh nghiệp sản xuất bao bì mỏng hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, Công ty hiện đã có được một vị trí vững chắc trong hoạt động kinh doanh, thiết lập được mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp với nhiều Công ty và tập đoàn nổi tiếng ở Mỹ, EU, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Phillipin, Singapore, Thái Lan, Ai-len, Các tiểu vương quốc Ả Rập, ... Sản phẩm được các doanh nghiệp trong nước và quốc tế đánh giá cao.
- An Phát được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường với hệ thống nhà xưởng sạch đẹp nhất khu vực phía Bắc, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn Việt Nam. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp xúc đàm phán với các đối tác

- khất khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường ở các thị trường khó tính như EU, Nhật.
- An Phát là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc sản xuất thành công bao bì nhựa tự phân hủy – “**dòng sản phẩm ưu việt**” của thế giới. Loại túi vẫn có tất cả các đặc tính của túi nilon thông thường nhưng thời gian tự hủy được rút ngắn lại thành 3 tháng đến 2 năm (tùy thuộc vào từng chủng loại và cách pha chế). Quá trình phân rã cuối cùng thành bột dưới dạng phân hữu cơ, hòa vào trong đất và hoàn toàn không làm ô nhiễm môi trường.
 - Chất lượng hoạt động quản trị doanh nghiệp cao. Đội ngũ cán bộ có trình độ, công nhân lành nghề. Hơn một nửa số cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo nghiệp vụ thường xuyên. Bên cạnh đó, phần lớn Hội đồng quản trị Công ty đã có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp hoặc có nhiều kinh nghiệm trong kỹ thuật, quản lý doanh nghiệp.
 - Công ty nằm giữa tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Địa bàn thuận lợi là một trong những điểm mạnh của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh khác.
 - Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của nhà nước và tỉnh, đặc biệt là ưu đãi thuế theo các dự án mở rộng nhà máy sản xuất.
 - Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và chứng chỉ ISO 14000 và Công ty cũng đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.
 - Doanh nghiệp đang có lợi thế về việc sản xuất các sản phẩm bao bì mỏng khi trong 2 năm trở lại đây đối thủ cạnh tranh lớn trên thị trường là Trung Quốc đã cấm việc sản xuất các dòng phân khúc sản phẩm này.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Ngành bao bì màng mỏng của Việt Nam với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt từ 20-25%/năm⁴, và là ngành khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Trong số các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm túi nilon trong cả nước vừa phục vụ xuất khẩu vừa phục vụ thị trường nội địa, An Phát là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất với sản lượng sản xuất khoảng 3.000 tấn/tháng so với các doanh nghiệp cùng ngành trong nước khác như Công ty cổ phần Nhựa Hưng Yên (công suất khoảng 1.000 tấn/tháng), Công ty cổ phần Nhựa Tú Phương (công suất khoảng 800 tấn/tháng) và một số doanh nghiệp liên doanh khác ở Phía Nam (công suất giao động từ 500 – 700 tấn/tháng). Không những vậy, sau khi nhà máy số 5 của Công ty đi vào hoạt động (dự kiến Quý III/2014), năng lực sản xuất của toàn Công ty sẽ tăng thêm 10.000 tấn/năm.

Bên cạnh đó, An Phát còn là doanh nghiệp có thâm niên nhiều năm hoạt động trong ngành này. Vì vậy, Công ty có rất nhiều khách hàng truyền thống, có mối quan hệ trong hoạt động kinh doanh lâu năm. Thị phần hiện nay Công ty đang phát triển là xuất khẩu sản phẩm cho các nhà cung cấp lớn trên thế giới như Papier Mettler (Đức), Publi Embal (Pháp), Euro Enterprise (Séc) ... để từ đó các sản phẩm đến tay các khách hàng lớn như Wal-mart, Spa, KFC Ở thị trường trong nước, các khách hàng của Công ty là các Ngân hàng lớn như Vietcombank, BIDV (sản xuất các túi quà

⁴ Hiệp hội Nhựa Việt Nam

tặng) và các Công ty sản xuất cám như Proconco, Cám Vina, Cám Hà Lan ... (bao lót). Công ty chưa đưa ra thị trường bên ngoài để kinh doanh bán sản phẩm đại trà, nơi rất nhiều sản phẩm với nhiều thương hiệu khác nhau đang được tiêu thụ.

Thế mạnh của Công ty đã được khẳng định trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ hay Châu Âu, sức cạnh tranh của An Phát được đánh giá cao và uy tín ngày càng được khẳng định thông qua chất lượng của các sản phẩm và sự tin tưởng của khách hàng truyền thống của Công ty.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong 10 năm trở lại đây, ngành nhựa Việt Nam luôn có tốc độ tăng trưởng khá tốt. Riêng trong năm 2013, ngành nhựa đã xuất khẩu đạt tổng kim ngạch 2,215 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa đạt 1,808 tỷ USD, tăng 13,3% so với năm 2012.⁵ Thời gian vừa qua, ngành nhựa đã chú trọng phát triển xuất khẩu cả chiều rộng và chiều sâu, các sản phẩm hiện được áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau như nông nghiệp, công nghiệp, bưu chính, viễn thông, xây dựng. Hiện tại, các sản phẩm nhựa Việt Nam đã có mặt tại 151 thị trường trên thế giới, kể cả những thị trường đòi hỏi chất lượng cao, tiêu chuẩn kỹ thuật tối ưu như Nhật Bản, Mỹ, Đức, EU. Trong số này, có 3 thị trường là Nhật Bản, EU và Mỹ đang là thị trường chính của ngành nhựa Việt Nam. Theo đó, Nhật Bản là thị trường có kim ngạch xuất khẩu cao nhất với 400,98 triệu USD, chiếm 19,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành.

Tuy nhiên hiện nay, ngành nhựa trong nước vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Bên cạnh đó, những chi phí đầu vào như: xăng, điện, nước, nhân công ... ngày càng tăng gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Chính vì vậy, tuy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tốt, nhưng trên thực tế, lợi nhuận thu được lại không tương xứng trong khi chi phí liên tục tăng cao và giá bán thì không thể điều chỉnh tăng mạnh. Do vậy, đã có không ít các doanh nghiệp phải đóng cửa do không thể duy trì sản xuất.

Mặc dù vậy, trong tương lai, tiềm năng của ngành nhựa Việt Nam vẫn còn rất lớn bởi tính cạnh tranh của sản phẩm được bạn hàng quốc tế đánh giá cao và nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng. Theo đánh giá của Hiệp hội Nhựa Việt Nam, năm 2014 xuất khẩu có thể tăng trưởng 13,5-16,5% so với năm 2013. Trong đó, Nhật Bản vẫn là sẽ là thị trường lớn nhiều tiềm năng nhất. Thêm vào đó, các thị trường như EU, Ấn Độ và Braxin đang là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt. Chỉ riêng thị trường Mỹ vẫn tiếp tục đánh thuế chống bán phá giá lên các mặt hàng túi nhựa của Việt Nam.

Trong quy hoạch tới năm 2020, ngành nhựa Việt Nam đang hướng tới trở thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất những sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã, thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

⁵ Theo Hiệp Hội Nhựa Việt Nam (VPA)

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty

***“Trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á
Doanh nghiệp điển hình về thực hiện Trách nhiệm xã hội”***

Đẩy mạnh sản xuất

- Trong các năm tới, xác định rằng sản phẩm tự hủy sẽ được các nước trên thế giới, đặc biệt là các thị trường lớn như Nhật Bản, EU... ưa chuộng, Công ty sẽ chú trọng để phát triển mặt hàng này. Trong dài hạn, sản phẩm túi tự hủy sẽ là sản phẩm chính của Công ty.
- Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty cũng không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động. Các cán bộ kỹ thuật của Công ty được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề.
- Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 5 tại Khu CN Nam Sách, T.P Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nhà máy sẽ sản xuất mặt hàng cao cấp chuyên xuất khẩu sang Nhật Bản và một số nước tiên tiến có nhu cầu.
- Với năng lực hiện có, Công ty sẽ tiếp tục tận dụng các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, phấn đấu tăng lượng trung bình hàng tháng từ 2.600 tấn sản phẩm lên 3.000 tấn sản phẩm. Trong đó sẽ chú trọng đến sản lượng túi nilon tự phân hủy – định hướng chiến lược của Công ty trong thời kỳ mới

Đẩy mạnh xuất khẩu

- Hội đồng quản trị công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, Mỹ và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các dòng bao bì nhựa tự phân hủy theo dạng cuộn, Tshirt, túi siêu thị và túi rác.

Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội

- Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo An Phát đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập Quỹ từ thiện, Quỹ khuyến học, thực hiện chương trình: Năng xuân về bản, Thắp sáng ước mơ...

Đánh giá sự phù hợp với định hướng phát triển của ngành

- Ngành nhựa trong tương lai vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Với vai trò là một trong những số ít doanh nghiệp có công nghệ sản xuất bao bì màng mỏng đầu tiên tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đã thiết lập được cơ sở vững chắc làm tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á.
- Với chủ trương nâng cao hơn nữa trình độ kỹ thuật công nghệ và nhóm sản phẩm, Công ty đã

đầu tư mở rộng quy mô và công suất hoạt động Nhà máy sản xuất bao bì nhựa, đồng thời phát triển thêm nhóm mặt hàng bao bì nilon tự phân hủy, đáp ứng được các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường của Châu Âu. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang thực hiện các kế hoạch sau:

- o Duy trì sự hoạt động ổn định và đầu tư mở rộng quy mô nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo₃.
 - o Với triển vọng lạc quan của ngành, sự hậu thuẫn của Chính phủ và năng lực nội tại của Công ty thì lĩnh vực sản xuất nhựa ít gặp những hiểm họa đe dọa tới tiềm năng phát triển. Thêm vào đó, Công ty đang đẩy mạnh sản xuất dòng sản phẩm túi nilon tự phân hủy và tương lai sẽ đưa vào làm sản phẩm chính, sản phẩm chiến lược của Công ty. Đây chính là bước chuyển mới, định hướng quan trọng được xem là bắt nhịp với xu thế tiêu dùng mới của thế giới.
- Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, với chủ trương chính sách của Chính phủ. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao và Công ty cũng sẽ đảm bảo được mức chi trả cổ tức ổn định.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu

Bảng 8: Cơ cấu lao động

Tiêu chí	Số lượng (người)
I. Phân theo trình độ học vấn	1.290
1. Trên đại học	03
2. Trình độ đại học	97
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	256
4. Khác	934
II. Phân theo phân công lao động	1.290
1. Hội đồng quản trị/ Ban giám đốc	6
2. Lao động quản lý	260
3. Lao động trực tiếp	1.024

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát

9.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

- Người lao động làm việc tại công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty cũng rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia hưởng ứng công tác Đoàn thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề...
- Giờ làm việc hành chính đối với nhân viên Công ty:
 - o Mùa hè: Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ
 - o Mùa đông: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ
- Công nhân sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy.
- Hỗ trợ ăn ca:
 - o Đối với mỗi ca làm việc của công nhân, Công ty hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ, bữa phụ cách bữa chính khoảng 4 giờ đồng hồ.
 - o Suất ăn bữa chính là 17.000 đồng/người, suất ăn bữa phụ là 9.000 đồng/người. Công ty còn thực hiện việc tổ chức bữa ăn nâng cao cho nhân viên vào ngày thứ hai hàng tuần.
 - o Công nhân được phục vụ nước giải khát ngay tại nơi làm việc.
 - o Nhân viên công ty cũng được phục vụ bữa ăn trưa

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Tiền lương thỏa thuận hoặc lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Tổng Giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty. Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày Tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc với mức thưởng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho các cá nhân và tập thể xuất sắc, hoặc các phần thưởng có giá trị bằng hiện vật như xe máy, tivi và tủ lạnh. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm

Phụ cấp công việc áp dụng cho các vị trí làm việc có tính chất đặc biệt theo quy định của công ty với mức phụ cấp tính bằng 10% - 30 % lương của người đảm nhiệm.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp, tùy tình hình sản xuất kinh doanh cho phép mà HĐQT quyết định chia cổ tức cho các cổ đông. Tình hình trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty như sau:

Bảng 9: Chính sách cổ tức giai đoạn 2011 - 2013

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức
Năm 2011	10,96%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2012	10%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2013	10%/cổ phiếu	Tiền mặt

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 10: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu giai đoạn 2011 - 2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
1	Vốn điều lệ	99.000	198.000	198.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	107.100	130.934	130.934
3	Các quỹ	17.575	27.672	33.300
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.933	138.710	147.469
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(137)	-	-
	Tổng cộng	339.470	495.316	509.703

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2011, 2012, 2013

Trích khấu hao TSCĐ

Công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/10/2009. Trước ngày 01/01/2010, Công ty tiến hành trích khấu hao theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Bảng 11: Chính sách khấu hao tài sản cố định

STT	Các loại tài sản	Số năm
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
2	Máy móc và thiết bị	8 – 10
3	Phương tiện vận tải	8 – 10

STT	Các loại tài sản	Số năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	5
6	Tài sản khác	3

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân tính trên toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty năm 2013 là 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

Các khoản phải nộp theo luật định

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại của Công ty là 22% và thuế giá trị gia tăng áp dụng là 10%. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do HĐQT thường niên quyết định trên cơ sở tuân thủ các chế độ chính sách của Nhà nước.

Bảng 12: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
Quỹ đầu tư phát triển	9.821	12.000	10.409	13.210
Quỹ dự phòng tài chính	9.700	11.878	10.287	13.089
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.104	(534)	3.633	224
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.151	9.422		
Tổng	30.776	32.766	24.329	26.533

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012 và 2013

Tổng dư nợ vay

Vay và nợ ngắn hạn

Bảng 13: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2012	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Dương	61.518	50.902	50.283	61.518	50.902	51.111
2	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	13.227	9.554	-	13.227	9.554	-
3	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	23.271	-	-	23.271	-	-
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hải Dương	89.843	177.720	116.119	89.843	177.720	124.099
5	Ngân hàng TNHH MTV ANZ	30.297	-	-	30.297	-	-
6	Ngân hàng TNHH MTV Shinhai Vietnam	11.014	5.776	5.969	11.014	5.776	16.030
7	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	-	11.458	16.068	-	11.458	9.054
8	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Hải Dương (VIB)	-	33.266	27.536	-	33.266	43.601
9	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hải Dương	-	45.621	45.877	-	45.621	45.278
TỔNG CỘNG		229.171	334.297	261.851	229.171	334.297	289.173

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012 và năm 2013, BCTC Công ty mẹ Quý II/2014 và Hợp nhất Quý I/2014

Vay và nợ dài hạn

Bảng 14: Chi tiết các khoản vay dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
1	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	16.011	83.083	95.857	16.011	83.083	90.759
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hải Dương	600	-	8.874	600	-	-
TỔNG CỘNG		16.611	83.083	104.731	16.611	83.083	90.759

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012 và năm 2013, BCTC Công ty mẹ Quý II/2014 và Hợp nhất Quý I/2014

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Phải thu của khách hàng	92.128	83.664	102.982	55.926	76.666	76.964
Trả trước cho người bán	34.348	55.077	38.898	34.358	55.117	69.112
Các khoản phải thu khác	3.501	15.135	1.995	3.529	15.159	1.334
Tổng các khoản phải thu	129.977	153.876	143.876	93.813	146.942	147.410

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012 và năm 2013, BCTC Công ty mẹ Quý II/2014 và Hợp nhất Quý I/2014

Các khoản phải trả

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Phải trả cho người bán	104.347	153.351	137.875	104.930	155.950	102.302
Người mua trả tiền trước	7.205	10.584	9.501	7.335	11.352	11.714
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	3.854	3.255	2.457	5.489	4.031	2.836
Phải trả người lao động	5.115	6.927	5.905	5.295	7.233	6.433
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.368	2.197	1.900	1.438	2.383	2.320
Tổng các khoản phải trả	121.889	176.314	157.638	124.487	180.949	125.606

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012 và năm 2013, BCTC Công ty mẹ Quý II/2014 và Hợp nhất Quý I/2014

Trong năm 2013, với việc các nhà máy mở rộng sản xuất cùng với sự gia tăng về đơn đặt hàng thể hiện ở mức tăng doanh thu bán hàng, nhu cầu vốn lưu động của Công ty tăng cao khiến số dư các khoản phải thu và phải trả về bán hàng đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	0,96	1,21	0,96
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,58	0,66	0,57
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,81	53,78	41,52	52,02
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	74,86	116,37	72,10	110,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt					
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,99	5,49	5,13	4,95
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	127,30	118,47	117,64	112,87
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,16	3,76	5,56	4,79
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu – ROE	%	10,44	8,72	12,93	10,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - ROA	%	5,30	4,45	6,54	5,41
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	%	4,66	4,58	6,34	5,51
+ Thu nhập trên cổ phần EPS	Đồng			4.850	2.775

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2012, 2013; SSI tính toán

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Phạm Đình Ngự	Thành viên HĐQT
5	Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

❖ Ông Phạm Ánh Dương

- Họ và tên: Phạm Ánh Dương
- Số CMND: 012144877 cấp ngày 08/06/2007 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/05/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC	Nhân viên kế toán
2000 – 2002	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo	Kế toán trưởng
2002 – 2007	Công tác tại công ty TNHH Anh Hai Duy	Giám đốc công ty
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Chủ tịch HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát –	Chủ tịch HĐQT

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Yên Bái	
2010 – 06/2011	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
07/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 465.900 cổ phần (tương ứng 2,35 % vốn điều lệ)
Cá nhân: 465.900 cổ phần (tương ứng 2,35% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan tại ngày 17/03/2014:
Phạm Hoàng Việt (em trai): 233.900 cổ phần (tương ứng 1,18% vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Ông Phạm Hoàng Việt**

- Họ và tên: Phạm Hoàng Việt
- Số CMND: 012224574 cấp ngày 08/06/2007 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/12/1981
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007 – 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Thường trực
3/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
 - + Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 233.900 cổ phần (tương ứng 1,18% vốn điều lệ)

Cá nhân: 233.900 cổ phần (tương ứng 1,18% vốn điều lệ)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan tại ngày 17/03/2014:
Phạm Ánh Dương (anh trai): 465.900 cổ phần (tương ứng 2,35% vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Ông Nguyễn Lê Trung**

- Họ và tên: Nguyễn Lê Trung
- Số CMND: 013164787 cấp ngày 19/03/2009 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1976
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Số 3, ngõ 39, Phố Nguyễn Phúc Lai, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán trưởng
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 58.500 cổ phần (tương ứng 0,30% vốn điều lệ)

Cá nhân: 58.500 cổ phần (tương ứng 0,30% vốn điều lệ)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Ông Phạm Đình Ngư**

- Họ và tên: Phạm Đình Ngư
- Số CMND: 44A771150853 cấp ngày 01/09/2005 tại Bộ Quốc Phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1959
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Hào, Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Khu TT Bộ Tư lệnh Công Binh, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1977 – 1980	Đơn vị X49 – Bộ tư lệnh Công Binh	Nhập ngũ
1980 – 1989	Phân xưởng Cơ điện – X49	Nhân viên
1990 – 1991	Phân xưởng Cơ điện – X49	Bí thư đoàn Nhà máy
1992 – 1994	Đội khai thác than Vàng Danh	Đội phó
1994 – 2005	Xưởng Cơ khí – Bí thư chi Bộ nhà máy	Phó Quản đốc
2006 – 2012	Xưởng cơ khí – Thủy lực – Nhà máy Z49 – Bộ tư lệnh Công binh	Quản đốc
2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Bà Hòa Thị Thu Hà**

- Họ và tên: Hòa Thị Thu Hà
- Số CMND: 141737021 cấp ngày 06/11/2010 tại CA Hải Dương
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/11/1978
- Nơi sinh: Ưông Bí, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quỳnh Phụ, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Khu 5, Phường Hải Tân, T.P Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán
2005 – 03/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán trưởng kiêm Ủy viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

12.2. Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
3	Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng giám đốc Thường trực

❖ Ông Nguyễn Lê Trung

(Xem phần trên)

❖ Ông Trần Hoàng Hoan

- Họ và tên: Trần Hoàng Hoan
- Số CMND: 168243362 cấp ngày 21/03/2005 tại CA Hà Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/02/1976
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Tượng Lĩnh – Kim Bảng – Hà Nam
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tu nghiệp sinh tại Hàn Quốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 – 1998	Kinh doanh	
1998 – 2005	Tu nghiệp và làm việc tại Hàn Quốc	
06/2005 – 04/2008	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó Giám đốc
05/2008 – 11/2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc nhà máy
11/2009 – 06/2010	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc nhà máy sản xuất số 1
07/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc sản xuất kiêm Giám đốc Nhà

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
		máy sản xuất số 3

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Ông Phạm Hoàng Việt**

(Xem phần trên)

12.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thái Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Vũ Thị Thúy Nguyên	Thành viên BKS
3	Văn Thị Lan Anh	Thành viên BKS

❖ Ông Lê Thái Hưng

- Họ và tên: Lê Thái Hưng
- Số CMND: 18206413 cấp ngày 29/04/2006 tại CA Nghệ An
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/01/1976
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P 603, Nhà B5, Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/1998 – 12/2000	Xí nghiệp xây dựng 23/3 (Công ty Hợp tác kinh tế Bộ Quốc Phòng)	Kế toán Tổng hợp Phòng Tài chính kế toán
01/2001 – 10/2009	Tổng công ty XDCTGT4	Thành viên Ban kiểm soát
01/2001 – 10/2009	Công ty Cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát
10/2010 đến nay	Công ty Cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Quyền phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
10/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Quyền Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Bà Vũ Thị Thúy Nguyên**

- Họ và tên: Vũ Thị Thúy Nguyên
- Số CMND: 011213736 cấp ngày 07/08/1997 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/07/1965
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Tổ 9, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1983 – 06/1987	Xí nghiệp xây lắp mỏ Làng Cầm	Kế toán
07/1987 – 05/1995	Xí nghiệp xây lắp than Đông Anh	Kế toán
06/1995 – 03/2004	Bảo hiểm Y tế ngành than	Kế toán viên
04/2004 đến nay	Bảo hiểm xã hội Hoàng Mai - Hà Nội	Kế toán viên
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Kế toán viên Bảo hiểm xã hội Hoàng Mai – Hà Nội
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 2.900 cổ phần (tương ứng 0,01% vốn điều lệ)
Cá nhân: 2.900 cổ phần (tương ứng 0,01% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: Không có

❖ **Bà Văn Thị Lan Anh**

- Họ và tên: Văn Thị Lan Anh
- Số CMND: 011873650 cấp ngày 25/02/2010 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 29/06/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 03, Tổ 33, thị trấn Đông Anh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: +84 320 375 5998
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 – 09/2004	Công ty Xây lắp điện 4	Công nhân
10/2004 – 03/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên văn phòng
03/2007 – 04/2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên văn phòng
04/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên hành chính kiêm Ủy viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên hành chính kiêm Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 17/03/2014: 0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có

-
- | | |
|------------------------------------------------|----------|
| - Hành vi vi phạm pháp luật: | Không có |
| - Các khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| - Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích công ty: | Không có |

12.4. Kế toán trưởng

- ❖ **Bà Hòa Thị Thu Hà**
(Xem phần trên)

13. Tài sản

Bảng 18: Tài sản cố định Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	597.381	163.585	433.796
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	61.381	15.652	45.729
2	Máy móc thiết bị	467.716	130.788	336.928
3	Phương tiện vận tải	46.388	13.982	32.406
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.397	787	609
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm	13.769	2.161	11.608
6	Tài sản khác	6.731	215	6.515
	Tài sản cố định vô hình	20.227	1.540	18.687
1	Quyền sử dụng đất	20.181	1.494	18.687
2	Phần mềm máy tính	46	46	-

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2013

Bảng 19: Tài sản cố định hợp nhất toàn công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	709.290	175.116	534.174
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	99.348	19.403	79.945
2	Máy móc thiết bị	537.065	137.589	399.476
3	Phương tiện vận tải	49.078	14.771	34.307
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.396	787	609
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm	15.671	2.351	13.320
6	Tài sản khác	6.731	215	6.516
	Tài sản cố định vô hình	36.154	2.255	33.899
1	Quyền sử dụng đất	36.108	2.209	33.899

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
2	Phần mềm máy tính	46	46	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2013

Bảng 20: Chi tiết sở hữu đất đai tại thời điểm báo cáo

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng	Mục đích
1	Thửa đất số L8, KCN Nam Sách, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	9.744,2	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy
2	Thửa đất số 129, Lô CN 3, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	19.967	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy
3	Thửa đất số 1082, Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	20.064	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy
4	Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	40.081	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy
5	Thửa đất số 1, Lô L7, KCN Nam Sách, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	16.802,4	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty mẹ trong năm 2014 như sau:

Bảng 21: Kế hoạch kinh doanh năm 2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với thực hiện năm 2013
Doanh thu thuần	1.166.335	1.310.400	+12,30%
Lợi nhuận sau thuế	43.811	48.591	+10,90%
Vốn điều lệ	198.000	396.000	+100,00%

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,75%	3,70%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22,12%	16,30%
Cổ tức dự kiến	10%	10%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

14.2. Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Hội đồng quản trị Công ty đã cùng thảo luận và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2014, sau khi phân tích và đánh giá các năng lực nội tại của công ty và tác động của các điều kiện thuận lợi, bất lợi từ bên ngoài. Cụ thể như sau:

- Năng lực sản xuất của các nhà máy: Được đánh giá là đơn vị có các nhà máy sản xuất hiện đại nhất Việt Nam, tổng sản lượng hàng tháng gần 3.000 tấn ở thời điểm hiện tại và công suất có thể tăng thêm 10.000 tấn/năm sau khi Nhà máy thứ 5 đi vào hoạt động (dự kiến Quý III/2014) là một trong những yếu tố quan trọng để HĐQT đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.
- Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của công ty: Theo VPA, hiện chi phí sản xuất tại Trung Quốc tăng vọt khiến giá thành sản phẩm của Trung Quốc không còn rẻ như trước nữa mà ngang bằng với Việt Nam. Thêm vào đó là cách chính sách khắt khe của Trung Quốc đã đẩy các nhà nhập khẩu khỏi thị trường này. Đây là một trong những thuận lợi mà thị trường thế giới đã tạo ra cho các doanh nghiệp nhựa nói chung và An Phát nói riêng.
- Lượng đơn đặt hàng những tháng đầu năm vẫn tiếp tục gia tăng. Dự báo kim ngạch xuất khẩu toàn ngành tăng trưởng 13,5-16,5% trong năm 2014.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. SSI nhận định lĩnh vực sản phẩm túi nilon và hạt nhựa mà Công ty đang sản xuất có rất nhiều tiềm năng phát triển do nhu cầu hàng hóa cao cấp thân thiện với môi trường ở thị trường trong và ngoài nước ngày càng cao.

Trước những khó khăn của nền kinh tế vĩ mô vài năm gần đây, Công ty đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giá bán hàng xuất khẩu cho các nước chịu khủng hoảng kinh tế đặc biệt là một số nước Châu Âu như Hy Lạp. Mặc dù vậy, doanh thu của Công ty vẫn tăng do các khách hàng truyền thống tăng khối lượng đặt hàng và Công ty có thêm những khách hàng mới. Tuy nhiên, biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào như giá hạt nhựa, phụ gia, điện, nước, nhân công là vấn đề mà An Phát phải quan tâm hàng đầu. Những rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng không

nhỏ tới kế hoạch kinh doanh mà Công ty đề ra.

Chúng tôi đánh giá tốt chất lượng nghiệp vụ và quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như công nhân sản xuất của An Phát. Là doanh nghiệp có thị phần tương đối lớn trong mảng xuất khẩu sản phẩm nhựa ra nước ngoài, An Phát luôn duy trì được số lượng khách hàng truyền thống, không ngừng tìm tòi và phát triển các sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu khắt khe của người tiêu dùng quốc tế.

Mặc dù kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước còn nhiều rủi ro nhưng Công ty vẫn mạnh dạn định hướng đầu tư sản xuất tại Lào và thâm nhập thị trường Nhật Bản sâu rộng hơn nữa. Việc chủ động nắm bắt cơ hội, mở rộng quy mô sản xuất là nhân tố giúp Công ty đạt được kế hoạch kinh doanh đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Công ty sẽ thực hiện các thủ tục để niêm yết bổ sung cổ phiếu sau khi đợt phát hành hoàn tất theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán 19.800.000 (Mười chín triệu tám trăm nghìn) cổ phiếu.

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến là 11.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2013 là 27.447 đồng/cổ phần

Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2013 là 25.743 đồng/cổ phần

Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu AAA bình quân 60 phiên (từ ngày 26/12/2013 đến ngày 31/3/2014) là 22.400 đồng/cổ phần

Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất và được chiết khấu 51% so với giá trị cổ phiếu AAA đang được giao dịch trên thị trường.

6. Phương thức phân phối

Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán theo phương thức:

- Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1
- Cổ đông hiện hữu (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông phục vụ cho đợt phát hành tăng vốn điều lệ) sở hữu 01 (một) cổ phần thì có 01 (một) quyền mua cổ phần mới, cứ 01 (một) quyền mua sẽ mua được 01 (một) cổ phần phát hành thêm.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.
- Trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối mua cổ phiếu, HĐQT Công ty sẽ quyết định phương án xử lý bằng cách phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được HĐQT phân phối lại cổ phiếu lẻ, cổ phiếu từ chối mua, vượt quá tỷ lệ 25% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài

hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN cho gia hạn đợt phát hành.

- Thời gian phát hành dự kiến: Trong năm 2014.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- **Thời hạn:** Trong vòng 20 ngày kể từ ngày các Thành viên lưu ký gửi văn bản xác nhận danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)
- **Phương thức thanh toán**
- Đối với cổ đông đã lưu ký
 - Cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản.
 - Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần vào tài khoản Tiền gửi đăng ký mua chứng khoán trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày VSD phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.
 - Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký
 - Cổ đông chưa mở tài khoản và lưu ký chứng khoán thực hiện đăng ký và nộp tiền trực tiếp tại trụ sở công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa
- **Chuyển giao cổ phiếu**
 - Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký, thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết.
 - Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty
- **Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu**
 - Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu
 - Số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị
 - Số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn và/hoặc số lượng cổ phần không thực hiện quyền mua phát sinh do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được giao cho HĐQT quyết định chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- **Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:** *Không áp dụng*

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Tính đến ngày 17/03/2014 AAA có tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là 19,96%.

- Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của AAA theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2009.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại Ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).
- Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.
- Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT Công ty.

11. Các loại thuế có liên quan

Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Theo Nghị định này, thu nhập từ lợi tức cổ phần, chuyển nhượng chứng khoán sẽ áp dụng mức thuế 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Số tài khoản phong toả: 0341006890599 VND
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 0105/2014/NQ-ĐHĐ ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng chủ yếu để đầu tư cho Công ty con là Công ty TNHH Nhựa Thakhek (210 tỷ đồng) để thực hiện Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại nước CHDCND Lào, phục vụ mục tiêu xuất khẩu cho thị trường Hoa Kỳ. AAA hiện đăng ký góp 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Nhựa Thakhek. Phần còn lại 7,8 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động cho AAA.

2. Phương án khả thi

Các nội dung chính của dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại nước CHDCND Lào như sau:

1.1. Mục đích của dự án

Nhận thấy Hoa Kỳ là một thị trường tiềm năng lớn nhưng yêu cầu về chất lượng sản phẩm rất khắt khe với tiêu chuẩn cao. Chính vì vậy, Công ty quyết định đầu tư xây dựng nhà máy với dây chuyền sản xuất hiện đại theo công nghệ, thiết bị tiên tiến của Nhật Bản để nhằm mục đích: Sản xuất bao bì nhựa cao cấp phục vụ mục tiêu xuất khẩu cho thị trường Hoa Kỳ.

1.2. Địa điểm xây dựng

Vị trí và địa điểm của dự án: Đặc khu kinh tế Thakhek – Huyện Thakhek – Tỉnh Khăm Muộn – CHDCND Lào.

Tổng diện tích: 100.000 m² bao gồm các hạng mục sau:

- Nhà xưởng sản xuất, văn phòng, kho bãi giai đoạn 1: 10.000m²
- Đường nội bộ: 3.200 m²
- Diện tích cây xanh và lưu không để xây dựng giai đoạn 2: 84.000m²
- Nhà để xe cho CBCNV: 1.000 m²
- Nhà ăn ca cho CBCNV: 750 m²
- Các công trình còn lại: 1.350 m²

Giai đoạn 2 sẽ xây dựng thêm các nhà xưởng theo nhu cầu sản xuất với diện tích đất còn lại.

Trong bố trí tổng thể mặt bằng, Công ty dự định sẽ sử dụng diện tích lớn để trồng cây xanh và hệ thống xử lý nước thải nhằm mục đích tạo cảnh quan và cải tạo môi trường làm việc, sản xuất. Hướng tới một môi trường làm việc xanh, sạch đẹp đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO của nước sở tại.

1.3. Sản lượng, các sản phẩm chính và Doanh thu dự kiến

Sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)	Doanh thu (đồng/năm)
Các sản phẩm bao bì nhựa cao cấp xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ	7.200	300.000.000.000

Tổng cộng **7.200** **300.000.000.000**

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

- 100% sản phẩm sẽ được xuất khẩu

1.4. **Vốn đầu tư thực hiện dự án**

Tổng vốn đầu tư đăng ký: 10.000.000 (Mười triệu) USD tương đương khoảng 210.000.000.000 (Hai trăm mười tỷ) đồng (tỷ giá quy đổi tạm tính 1USD = 21.000 đồng).

Nguồn vốn thực hiện: Công ty thực hiện phát hành 19.800.000 (Mười chín ngàn tám trăm) cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với giá bán 11.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

1.5. **Đặc điểm về công nghệ sản xuất và các máy móc, thiết bị chính**

Công nghệ sản xuất

Dây chuyền công nghệ sản xuất và lắp ráp các sản phẩm mà dự án sẽ áp dụng là dây chuyền công nghệ hiện đại, tiên tiến và đồng bộ, hiện đang được sử dụng rộng rãi và có hiệu quả cao tại Nhật Bản và trên thế giới. Dây chuyền công nghệ này có những đặc điểm nổi bật sau:

- Trình độ công nghệ tiên tiến, có độ chính xác cao;
- Phù hợp với quy mô đầu tư lựa chọn;
- Sử dụng hợp lý nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng và nhân lực;
- Chất lượng sản phẩm có thể được khẳng định trong suốt quá trình sản xuất;
- Đảm bảo an toàn đối với người lao động và môi trường.

Máy móc, thiết bị chính

Bảng 22: Một số máy móc, thiết bị chính dự kiến cho dự án

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đơn giá (USD/chiếc)	Xuất xứ
1	Máy thổi HDPE, LDPE khổ lớn	16	125.000	Đài Loan, Nhật Bản
2	Máy cắt 2 line hàng in	30	200.000	Đài Loan, Nhật Bản
3	Máy in 6 màu Công suất 45 kw	2	300.000	Đài Loan, Nhật Bản
4	Máy trộn nhựa Công suất 15 kw	8		Việt Nam
5	Máy nén khí SA 55 Công suất 55kw	2	48.000	Đài Loan
6	Dây chuyền tạo hạt CT150	1	180.000	Đài Loan
7	Máy tiện Huda	1		Nhật
8	Trạm biến áp 1500 KVA	1	88.000	Miba Đông Anh
9	Hệ thống tủ bù 1440 KVAR	1		Hàn Quốc
10	Hệ thống tủ điện phân phối 4500 A	1		Hàn Quốc
11	Hệ thống máy bơm phé 37 kw	2		Đài Loan

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Ngoài ra, Công ty còn dự kiến sử dụng các thiết bị văn phòng và phương tiện vận chuyển phụ trợ khác.

1.6. Hiệu quả đầu tư

Dự kiến kết quả kinh doanh trong 3 năm sau khi chính thức hoạt động như sau:

Bảng 23: Kế hoạch kinh doanh trong 3 năm của nhà máy

Đơn vị: USD

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3
	Sản lượng sản xuất (tấn sản phẩm)	7.200	7.260	7.320
I	CHI PHÍ SẢN XUẤT	11.615.284	11.703.754	11.792.224
1	Chi phí nguyên vật liệu	10.080.000	10.164.000	10.248.000
	- <i>Hạt nhựa nguyên sinh</i>	<i>10.080.000</i>	<i>10.164.000</i>	<i>10.248.000</i>
2	Chi phí nhân công	349.371	351.711	354.051
	- <i>Lương công nhân trả theo sản phẩm</i>	<i>280.800</i>	<i>283.140</i>	<i>285.480</i>
	- <i>Quản lý sản xuất</i>	<i>68.571</i>	<i>68.571</i>	<i>68.571</i>
3	Khấu hao TSCĐ	930.312	930.312	930.312
4	Chi phí điện	212.400	214.170	215.940
5	Chi phí cấp thoát nước	36.000	36.300	36.600
6	Chi phí khác	7.200	7.260	7.320
II	CHI PHÍ BÁN HÀNG, QUẢN LÝ, LÃI VAY	934.493	803.018	671.543
1	Chi phí bán hàng	252.734	254.593	256.451
	- <i>Vận chuyển, vé cầu đường, xăng xe</i>	<i>144.000</i>	<i>145.200</i>	<i>146.400</i>
	- <i>Chi phí hộp carton + bao gói</i>	<i>72.000</i>	<i>72.600</i>	<i>73.200</i>
	- <i>Lương lái xe + kho vận</i>	<i>20.571</i>	<i>20.571</i>	<i>20.571</i>
	- <i>Lương nhân viên bán hàng</i>	<i>9.143</i>	<i>9.143</i>	<i>9.143</i>
	- <i>Khấu hao TSCĐ</i>	-	-	-
	- <i>Chi phí chung (điện thoại, văn phòng phẩm ...)</i>	<i>7.020</i>	<i>7.079</i>	<i>7.137</i>
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	76.203	76.203	76.203
	- <i>Lương quản lý</i>	<i>48.000</i>	<i>48.000</i>	<i>48.000</i>
	- <i>Khấu hao TSCĐ</i>	-	-	-
	- <i>Điện, điện thoại, internet</i>	<i>7.143</i>	<i>7.143</i>	<i>7.143</i>

	- Chi phí chung khác	21.060	21.060	21.060
3	Chi phí lãi vay ngân hàng	605.556	472.222	338.889
	TỔNG CỘNG CHI PHÍ	12.549.777	12.506.772	12.463.767
III	DOANH THU	14.040.000	14.157.000	14.274.000
	Doanh thu bao bì nhựa	14.040.000	14.157.000	14.274.000
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.490.223	1.650.228	1.810.233
V	THUẾ TNDN	-	-	-
VI	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.490.224	1.650.228	1.810.233

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Thời gian hoàn vốn đầu tư: 4 năm

Bên cạnh đó, nhà máy đi vào hoạt động ổn định sẽ tạo ra nhiều khoản nộp cho ngân sách địa phương, đem lại cơ hội việc làm cho hàng trăm lao động, v..v..

1.7. Kế hoạch triển khai

Thời gian	Nội dung triển khai
Từ tháng 4 đến tháng 10/2014	Hoàn thiện các thủ tục về đầu tư và xây dựng
Từ tháng 2/2015 đến tháng 10/2015	Quá trình xây dựng nhà máy
Từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2015	Lắp đặt máy móc, thiết bị
Từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2015	Tuyển dụng lao động
Từ tháng 12/2015 đến tháng 2/2016	Chạy thử
Tháng 3/2016	Đi vào sản xuất chính thức

1.8. Phương án bảo vệ môi trường

- Toàn bộ các chất thải rắn sinh ra trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom và xử lý một cách thích hợp, đúng theo các tiêu chuẩn hiện hành.
- Chất thải sinh hoạt và nước thải nội bộ sẽ được tập trung và dẫn tới bể chứa để xử lý trước khi thải ra đường nước thải tập trung của khu công nghiệp.
- Công ty sẽ bố trí một cán bộ môi trường có trình độ, kinh nghiệm phù hợp để chịu trách nhiệm kiểm tra kiểm soát việc ô nhiễm. Nhân viên này sẽ chuyên theo dõi tình trạng môi trường, sau đó lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm ô nhiễm cần thiết nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp cả về trước mắt và lâu dài.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch chào bán chi tiết như sau:

- Tổng số cổ phần phát hành: 19.800.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 11.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số tiền thu được: 217.800.000.000 đồng

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để đầu tư dự án tại Lào và bổ sung vốn lưu động chung cho Công ty. Cụ thể như sau:

Bảng 24: Kế hoạch sử dụng vốn

Vốn đầu tư	Số tiền (USD)	Số tiền (VNĐ tương đương)
Đầu tư dự án tại Lào:	10.000.000	210.000.000.000
- Vốn cố định:	9.620.000	193.200.000.000
+ Xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi:	1.766.000	37.086.000.000
+ Máy móc, thiết bị	7.328.000	153.888.000.000
+ Trang thiết bị văn phòng	343.000	7.203.000.000
+ Các tài sản cố định khác	183.000	3.843.000.000
- Vốn lưu động	380.000	7.980.000.000
Bổ sung vốn lưu động chung cho Công ty		7.800.000.000
Tổng cộng		217.800.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Phòng 3203 nhà 34T, Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: +84 (04) 2221 2891 Fax: +84 (04) 2221 2892

Website: www.ifcvietnam.com.vn Email: support@ifcvietnam.com.vn

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN & BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 72, Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 821 8567 Fax: +84 8 821 3867

Website: www.ssi.com.vn

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Hải Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

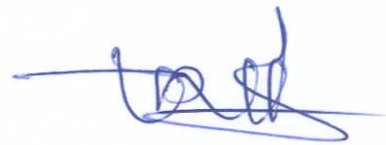
**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM ANH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÊ TRUNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



LÊ THÁI HƯNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÒA THỊ THU HÀ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN & BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**



NGUYỄN THỊ THANH HÀ